Sign In

BỘ XÂY DỰNG
Số: 499/BXD-GĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế bảo hành xây lắp công trình

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 4/3/1994 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;

- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế bảo hành xây lắp công trình, thay thế cho Quy chế bảo hành công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 535/BXD-GĐ ngày 14/12/1994 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này được thực hiện thống nhất trong cả nước và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

BỘ XÂY DỰNG

Ngô Xuân Lộc

(Đã Ký)

QUY CHẾ

BẢO HÀNH XÂY LẮP CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 499 BXD-GĐ ngày 18/9/1996 của Bộ trưởng Bộ xây dựng)

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích việc bảo hành:

Việc bảo hành xây lắp công trình nhằm bảo vệ lợi ích của chủ đầu tư đồng thời xác định trách nhiệm của doanh nghiệp xây dựng về chất lượng công trình trước chủ đầu tư và pháp luật. Doanh nghiệp xây dựng có nghĩa vụ thực hiện sửa chữa các hư hỏng do mình gây nên trong thời hạn bảo hành.

Điều 2. Phạm vi áp dụng:

Các công trình xây dựng đều phải được các doanh nghiệp xây dựng thực hiện bảo hành xây lắp công trình trong thời hạn quy định tại Quy chế này. Số tiền bảo hành và thời hạn bảo hành được ghi trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp giữa chủ đầu tư và các doanh nghiệp xây dựng nhận thầu xây lắp công trình (sau đây gọi chung là doanh nghiệp xây dựng):

1. Quy chế này quy định việc bảo hành xây lắp các công trình có vốn đầu tư trong nước đã kết thúc xây dựng, bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng đạt mục tiêu đã định.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc bảo hành các sản phẩm khảo sát, thiết kế. Các doanh nghiệp khảo sát, thiết kế xây dựng phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng sản phẩm, kết quả công tác do mình thực hiện.

3. Việc bảo hành đối với các loại vật tư, thiết bị là sản phẩm hàng hoá công nghiệp được thực hiện theo quy định của Bộ khoa học công nghệ và môi trường.

4. Việc bảo hành xây lắp các công trình có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định riêng.

Điều 3. Thời hạn bảo hành:

Thời hạn bảo hành xây lắp được tính từ ngày doanh nghiệp xây dựng kết thúc hoạt động xây dựng, bàn giao công trình cho chủ đầu tư (hoặc người sử dụng) cho đến khi hết thời hạn quy định sau:

- Thời hạn 24 tháng đối với công trình thuộc dự án nhóm A; - Thời hạn 18 tháng đối với công trình thuộc dự án nhóm B; - Thời hạn 12 tháng đối với công trình thuộc dự án nhóm C.

Các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành (giao thông, thuỷ lợi, hầm mỏ, đường dây tải điện và trạm biến thế, bưu điện, nông lâm nghiệp) quy định cụ thể thời hạn bảo hành đối với từng loại công trình chuyên ngành thuộc Bộ quản lý, nhưng không được thấp hơn thời hạn bảo hành đã quy định trong Quy chế này.

Điều 4: Mức tiền bảo hành:

Mức tiền bảo hành xây lắp công trình được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của giá trị thanh lý hợp đồng nhận thầu xây lắp. Số tiền này được sử dụng để sửa chữa các hư hỏng của công trình trong thời hạn bảo hành do lỗi của doanh nghiệp xây dựng.

Mức tiền bảo hành xây lắp công trình được tính như sau:

- 0,5% giá trị thanh lý hợp đồng xây lắp đối với công trình thuộc dự án nhóm A;
- 1,5% giá trị thanh lý hợp đồng xây lắp dối với công trình thuộc dự án nhóm B;
- 3% giá trị thanh lý hợp đồng xây lắp đối với công trình thuộc dự án nhóm C.

Khi công trình hoàn thành, chủ đầu tư nghiệm thu đưa công trình vào khai thác, sử dụng thì doanh nghiệp xây dựng gửi vào Ngân hàng nơi đã mở tài khoản giao dịch khi xây lắp công trình khoản tiền bảo hành xây lắp theo mức quy định trên. Số tiền gửi này được tính lãi theo quy định hiện hành của Ngân hàng. Trường hợp doanh nghiệp xây dựng có Ngân hàng bảo lãnh, doanh nghiệp xây dựng chỉ nộp chủ đầu tư giấy bảo lãnh của Ngân hàng về khoản tiền bảo hành xây lắp công trình theo mức quy định.

Chủ đầu tư được sử dụng số tiền bảo hành này (bằng tiền gửi hoặc chứng từ bảo lãnh của Ngân hàng) trong suốt thời hạn bảo hành cho mục đích bảo hành xây lắp công trình.

Điều 5: Việc hoàn trả tiền bảo hành:

Đến thời điểm kết thúc thời hạn bảo hành xây lắp công trình mà không xảy ra hư hỏng công trình do doanh nghiệp xây dựng gây nên, chủ đầu tư phải xác nhận để Ngân hàng hoàn trả đúng hạn cho doanh nghiệp xây dựng toàn bộ số tiền bảo hành công trình cộng với lãi suất theo thời hạn gửi tại Ngân hàng, hoặc hoàn trả giấy bảo lãnh của Ngân hàng. Hết thời hạn bảo hành xây lắp công trình mà chủ đầu tư chưa xác nhận để Ngân hàng hoàn trả tiền bảo hành xây lắp cho doanh nghiệp xây dựng thì chủ đầu tư chịu phạt về vi phạm hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Đồng thời phải trả lãi xuất theo quy định của Ngân hàng của số tiền bảo hành chậm trả cho doanh nghiệp xây dựng.

Điều 6. Loại trừ trách nhiệm bảo hành xây lắp công trình:

Doanh nghiệp xây dựng không phải thực hiện trách nhiệm bảo hành xây lắp công trình khi các hư hỏng công trình xây dựng trong thời hạn bảo hành không phải lỗi của doanh nghiệp gây nên.

Trường hợp trong thời hạn bảo hành xây lắp công trình, mà bộ phận, hạng mục công trình, công trình do chủ đầu tư vi phạm pháp luật về xây dựng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp buộc tháo dỡ thì doanh nghiệp xây dựng không có trách nhiệm bảo hành mặc dù trong đó có thể có sai sót về kỹ thuật xây dựng.

Điều 7. Trường hợp phải chi vượt số tiền bảo hành:

Trường hợp sửa chữa các hư hỏng công trình xây dựng trong thời hạn bảo hành do lỗi của doanh nghiệp xây dựng mà vượt quá số tiền bảo hành xây lắp quy định tại Điều 4 của bản Quy chế này thì chủ đầu tư có quyền đưa ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật.

Chương 2: